

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Lan.

Bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Loan - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh. - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 317/2021/TLST- HN&GD ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021\_giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị H** - sinh năm 1987;

ĐKHKT: 15/167 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đội 11, thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Hàn Ngọc Ph**, sinh năm 1982;

ĐKHKT: 15/167 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: số 132 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/7/2021 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn là chị Đoàn Thị H trình bày:*

Chị và anh Hàn Ngọc Ph được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Anh Ph ham rượu chè, mỗi lần say rượu vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017 chị không thể sống cùng anh Ph đã về nhà bố mẹ đẻ ở 3 tháng, anh Ph đến xin lỗi và hứa thay đổi nên anh chị đã đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Ph vẫn không thay đổi. Đến tháng 7/2019 chị lại về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Anh Ph cũng đã làm đơn ly hôn đến Tòa án, chị và anh Ph đều thuận tình ly hôn và nuôi con chung, nhưng trong thời gian 7 ngày (trước khi Tòa án ra quyết định ly hôn) anh Ph đã rút đơn, và Tòa án đã đình chỉ. Mặc dù anh Ph và bố anh Ph cũng về gặp chị nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị kiên quyết không về, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hàn Ngọc Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hàn Ngọc B, sinh ngày 17/6/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng anh Ph. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Ph có nguyện vọng nuôi con chị cũng đồng ý.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2021 anh Hàn Ngọc Ph trình bày:*

Anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường T ngày 28/7/2011. Sau đó được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phương tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì chị H bỏ nhà đi. Sau đó anh có làm đơn ly hôn đến Tòa án, nhưng đã rút đơn, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, chị H vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ tại A, T1, T2, Hải Dương từ năm 2019 đến nay, còn anh vẫn sống tại số 132 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương cùng con trai. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ, anh có đến tìm chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết không về, không muốn đoàn tụ cùng anh, thỉnh thoảng chị H có liên lạc với anh để hỏi thăm tình hình của con chứ không quan tâm đến anh. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hàn Ngọc B, sinh ngày 17/6/2013. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H

cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của bà Vương Thị Ng ( mẹ đẻ chị H), bà Ng trình bày:*

Chị H và anh Ph được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/7/2011. Sau khi kết hôn được 01 năm mỗi lần chị H về chơi với bà cũng nói chuyện anh Ph thường uống rượu với bạn bè đến khuya, nhiều lần chị H nói không được nên cũng xảy ra cãi nhau. Thời gian chị H sinh con, bà có lên ở cùng vợ chồng chị H thì thấy anh Ph thường xuyên uống rượu, ít ăn cơm cùng gia đình, vợ chồng xảy ra to tiếng sau đó lại bình thường, bà thấy chị H rất buồn và hay khóc, bà hỏi nguyên nhân thì chị H chỉ nói vợ chồng có một số bất đồng. Đến năm 2017 chị H đã về nhà bà sống hơn 3 tháng, anh Ph xuống xin lỗi hứa sẽ thay đổi nên chị H đã đồng ý về đoàn tụ cùng anh Ph. Đến tháng 7/2019 chị H về nhà bà sống cho đến nay. Anh Ph đã nộp đơn ly hôn ra Tòa án sau đó lại rút đơn nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân. Gia đình bà cũng động viên chị H đoàn tụ cùng anh Ph để nuôi dạy con trưởng thành nhưng chị H không đồng ý. Quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

*Tại biên bản lấy lời khai của ông Hàn Ngọc Q ( bố đẻ anh Ph), ông Q trình bày:*

Sau khi kết hôn anh Ph và chị H sống riêng nhà nên mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào ông không biết. Cũng không biết lý do gì mà giữa năm 2019 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T1 – T2. Vợ chồng ông và anh Ph đã nhiều lần đến tìm, chị H kiên quyết không về, bố mẹ chị H khuyên bảo chị H nhưng cũng không được. Hiện nay, chị H vẫn sống tại nhà bố mẹ đẻ, còn anh Ph và cháu B đang sống cùng vợ chồng ông. Anh Ph chịu khó làm kinh tế, chăm sóc con. Vợ chồng ông luôn hỗ trợ anh Ph trong việc chăm sóc con. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại biên bản xác minh ông Chữ Hữu Ph** – Trưởng khu 5 phường T, thành phố Hải Dương cho biết: Chị Đoàn Thị H và anh Hàn Ngọc Ph có HKTT tại: 15/167 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương (nay là 31/167 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương). Về mâu thuẫn giữa anh Ph và chị H cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, chỉ biết chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2019 đến nay. Hiện nay anh Ph sống cùng con trai Hàn Ngọc B.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

\* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Hàn Ngọc Ph.

- Về con chung: Giao cháu Hàn Ngọc B, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Ph tự nguyện không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì bị đơn là anh Hàn Ngọc Ph trú tại: số 132 BL, khu 5, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Ph.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị H và anh Hàn Ngọc Ph là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Phương ham rượu chè, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong quan hệ vợ chồng không có sự tôn trọng, đồng cảm. Do vậy chị đã về nhà đẻ sống từ năm 2019 vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh Ph xác định còn tình cảm với chị H nhưng cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, anh cũng đã 01 lần làm đơn ly hôn sau đó lại rút đơn, tuy nhiên chị Hạnh cũng không về chung sống cùng anh Ph. Điều đó có thể thấy chị H không còn tình cảm với anh Ph. Tòa án xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: chị H và anh Ph không sống chung, anh Ph hiện sống cùng con trai tại nhà bố

mẹ đẻ. Như vậy thể hiện giữa chị H và anh Ph không còn yêu thương, chăm sóc nhau, cùng lo cho gia đình. Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị H và anh Ph đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh Ph là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Hàn Ngọc B, sinh ngày 17/6/2013. Hiện nay cháu B đang sống cùng anh Ph. Chị H và anh Ph cùng có quan điểm muốn được nuôi con. Tuy nhiên hiện nay cháu B đang sống cùng anh Ph và cháu B có quan điểm muốn sống cùng với anh Ph. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cần căn cứ các điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu B cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Ph đều không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Hàn Ngọc Ph.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao con chung là Hàn Ngọc B, sinh ngày 17/6/2013 cho anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm,

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đó nộp là 300.000<sup>d</sup> theo biên lai số AA/2018/0005337 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H, anh Hàn Ngọc Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tp. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự tp. Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Khánh Thiện**